Tập 5 — Nhợ Lai Không Tranh Luận Với Đời

Một Cuộc Đời, Một Vầng Nhật Nguyệt (Minh Đức Triều Tâm Ảnh)

Không Tranh Luận Với Đời

Chuyện đức vua Sappabuddha vì cố ý, chủ tâm cản ngăn đức Phật và hội chúng đi trì bình khất thực liền bị trả quả báo nhãn tiền khủng khiếp không mấy chốc lan truyền khắp mọi nơi. Và mọi người còn biết thêm nữa rằng, khi nghiệp dữ đến thì không ai có khả năng giải cứu được, dẫu là thần thông lực của đức Chánh Đẳng Giác. Sau biến cố kinh hãi và thương tâm ấy, tôn giả Devadatta có lẽ sầu buồn(1) vì cái chết của vua cha nên lặng lẽ ôm bát ra đi, không ai biết đi đâu. Trưởng lão ni Gotamī cùng Yasodharā vốn là em và con gái của đức vua quá cố, muốn làm một công đức có ý nghĩa sau sự biến đau thương vừa rồi nên đã vận động, sách tấn, khuyến khích các gia đình hoàng tộc cùng chung lòng, chung tay hùn phước đặt bát cúng dường đến đức Phật và hội chúng tăng ni. Rồi sau đó, triều đình và hoàng tộc Koliya đã tổ chức suốt bảy ngày cúng dường lớn, rất trọng thể như vậy. Trong số chư tỳ-khưu tăng ni, có một số vị thắc mắc trong lòng, là phước báu của sự cúng dường này có cứu

(1) Devadatta lúc này có đắc định cùng một vài thắng trí - chưa có tuệ nên vẫn bị tình cảm đời thường chi phối.

giúp gì được cho nghiệp dữ của đức vua Sappabuddha hay không. Nhân dịp ấy, đức Phật dạy tóm tắt như sau: Là chỉ riêng một số ngạ quỷ đói lạnh là hưởng được phần phước báu do thân bằng, quyến thuộc hồi hướng, còn tất cả ngạ quỷ khác, chúng sanh khác, cõi khác thì không thể. Nếu đọa sanh các cõi địa ngục thì phải chung thân nhận chịu thọ báo khổ cho đến lúc chấm dứt nghiệp mới thôi! Việc rồi cũng tạm yên, tạm lắng lại. Sau mùa an cư năm ấy tại Nigrodhārāma, có ba vị tôn giả đến hầu thăm đức Phật, đấy là chư vị trưởng lão: Tỳ- khưu Mahā Kaccāyana (Ma-ha Ca-chiên-diên), tỳ-khưu Mahā Kappina (Ma-ha Kiếp-tân-na) và tỳ-khưu Subhūti (Tu-bồ-đề)! Chỉ riêng tôn giả Mahā Kappina là đến với hội chúng rất đông, riêng hai vị tôn giả kia thì độc cư, độc bộ. Cả ba vị tôn giả đáng kính này thường được đức Phật khen ngợi về thắng tuệ và thắng hạnh của họ. Sau cuộc hội kiến ấy thì có hai vị lại âm thầm ra đi; tôn giả Mahā Kappina cùng với hội chúng trở lại quê nhà, thành phố Kukkuta để hóa độ bà con quyến thuộc; tôn giả Subhūti thì cất bước du phương; chỉ riêng tôn giả Mahā Kaccāyana thì trở về một ngôi rừng vắng gần đấy để tĩnh cư. Hôm nọ, đi trì bình vài con đường trong thành phố, khi thấy vật thực vừa đủ dùng, đức Phật ghé vào ngôi rừng nhỏ tại Beluvalatthika để thọ thực rồi nghỉ trưa thì có một du sĩ thuộc dòng tộc Sākya đến thăm. Vị này thường ngao du thiên hạ, lấy khẩu tranh, luận tranh làm thú tiêu khiển, luôn với chiếc gậy cầm tay(dandapani) nên mọi người thường gọi y là Sākya gậy-cầm-tay! Gặp đức Phật, du sĩ Sākya gậy-cầm-tay có vẻ nghênh ngang không coi ai ra gì, chỉ nói vài lời thăm hỏi xã giao rồi cất tiếng hỏi: - Sa-môn Gotama có quan điểm, chủ trương như thế nào và thường giảng thuyết, tuyên thuyết những gì cho thế gian? Minh Đức Triều Tâm Ảnh 37

Thấy thái độ của vị du sĩ có vẻ ngạo mạn, trịch thượng, đức Phật cũng không chấp gì, ngài nói: - Như Lai không có quan điểm, không có chủ trương gì hết, này du sĩ! - Tại sao? - Vì nếu có quan điểm, có chủ trương thì thế gian này cũng có đến hàng ngàn, hàng vạn quan điểm và chủ trương như thế! - Dĩ nhiên là vậy rồi! Và như thế thì sao nào, thưa samôn Gotama? - Thì chúng sẽ đưa đến khẩu tranh, luận tranh một cách vô ích và phù phiếm; là chuyện mà Như Lai không để dính chân dù chỉ là một hạt bụi, này Sākya gậy-cầm-tay! Khi thấy du sĩ có vẻ không nắm bắt được vấn đề, đức Phật nói tiếp: - Này du sĩ! Đối với thế gian, ma vương, phạm thiên, samôn, bà-la-môn, chư thiên và loài người; vì Như Lai không có quan điểm, không có chủ trương nên sẽ không luận tranh với họ. Vì không luận tranh với họ nên Như Lai không bị các tưởng chi phối, không bị các tưởng ám ảnh. Và nếu không bị các tưởng chi phối, không bị các tưởng ám ảnh thì tâm Như Lai không bị các dục bao vây, não hại. Khi tâm không bị các dục bao vây, não hại thì mọi nghi ngờ, do dự, mọi ăn năn, hối quá đều bị đoạn diệt. Như vậy cũng có nghĩa là mọi tham ái đối với các hữu và phi hữu đều chấm dứt! Và này du sĩ! Đó chính là sự thấy biết như thực của Như Lai, và Như Lai cũng đã từng giảng dạy, giảng thuyết hoặc tuyên thuyết như vậy! Du sĩ Sākya gậy-cầm-tay nghe đức Thế Tôn thuyết như thế, không biết có hiểu không, hay là vì ngạo mạn mà y đã lắc đầu, liếm lưỡi, trán nổi ba đường nhăn rồi quay mặt, chống gậy bỏ đi...

38 Một Cuộc Đời Một Vầng Nhật Nguyệt

Vào xế chiều trở về đại viên Nigrodhārāma, trong giờ giảng Pháp, đức Phật kể lại đoạn đối thoại với du sĩ Sākya gậy-cầm-tay rồi kết luận như sau: - Này các thầy tỳ-khưu! Do vậy mà bất cứ nhân duyên gì từ đó phát sanh hý luận, vọng tưởng thì một hành giả lên đường phải thấy cho thật rõ, nếu không sẽ bị chúng chi phối, ám ảnh. Và giả dụ như khi đã bị chúng chi phối, ám ảnh rồi, thì đệ tử của Như Lai đừng đón mừng, chớ hoan hỷ, chẳng nên chấp thủ hý luận, vọng tưởng ấy. Làm như vậy, đệ tử của Như Lai sẽ đoạn tận được các tham tùy miên, sân tùy miên, kiến tùy miên, nghi tùy miên, mạn tùy miên, hữu tham tùy miên, vô minh tùy miên; cũng có nghĩa là mọi kiến chấp, nghi ngờ, ngã mạn, ái hữu, vô minh, chấp trượng, chấp kiếm, đấu tranh, luận tranh, kháng tranh, vọng ngữ, ly gián ngữ không có cơ hội tồn tại. Chính ở đây mà các ác, bất thiện pháp đều được tiêu diệt, tận diệt không còn dư tàn... Đức Thế Tôn chỉ nói vắn tắt như vậy rồi đi vào bên trong, khép cửa hương phòng lại. Chư tỳ-khưu đa phần hoang mang, không hiểu. Phải cần có người giải thích rộng rãi đoạn đức Phật thuyết quá tóm tắt vừa rồi. Vì pháp ngữ, pháp nghĩa nó đang còn giấu ẩn bên sau! Có vị trưởng lão chợt mách miệng: Tôn giả Mahā Kaccāyana có đầy đủ thắng trí, thắng tuệ thường được đức Phật tán dương, ngợi khen, được các vị đồng phạm hạnh kính trọng, tôn trọng. Sao các vị không đi tìm vị ấy? Hình như tôn giả ấy đang ngụ cư nơi một khu rừng nào đó, gần đây thôi. Tôn giả Mahā Moggallāna vừa đi vắng. Tôn giả Sāriputta đang ở Kỳ Viên. Và nếu không có hai vị đại để tử ở đây thì ai là người có thể giảng nói rộng rãi, tường minh đoạn thuyết giảng quá cô đọng vừa rồi của đức Tôn Sư? Thế rồi, khi tìm được tôn giả Mahā Kaccāyana sâu trong một ngôi rừng, họ tha thiết, khẩn cầu ngài chỉ giáo! Họ lặp

Minh Đức Triều Tâm Ảnh 39

lại đoạn thuyết giảng quá cô đọng của đức Phật rồi mong nhờ ngài giải thích rộng rãi và chi tiết hơn. Tôn giả Mahā Kaccāyana vốn yêu mến sơn lâm, ở lâu giữa sơn lâm, sống đời tri túc, thiểu dục nhưng cũng không giấu được vẻ đẹp sắc thân cân đối mỹ toàn và màu da vàng sáng nổi tiếng từ thời niên trẻ! Nghe vậy, tôn giả mỉm nụ cười đôn hậu, dịu dàng, khiêm tốn nói: - Này chư hiền! Cũng như một người ưa thích lõi cây, ra sức tìm tòi lõi cây, đã đi khắp mọi nơi tìm kiếm lõi cây; khi đến một khu rừng, thấy một thân cây to lớn, già cỗi, đứng thẳng nên biết là có lõi cây. Người này tuy biết cây có lõi cứng, tốt, chắc, bền nhưng không biết nó nằm ở đâu, nên y đã bỏ qua rễ cây, bỏ qua thân cây rồi nghĩ rằng phải tìm lõi cây ở nơi cành hoặc lá! Than ôi! Cũng tương tự như vậy là việc làm hiện nay của chư hiền giả! Đứng trước mặt đức Thế Tôn, một cái lõi giáo pháp, tinh tủy của giáo pháp, một hiện thân siêu việt, sừng sững, nghiêm uy, tối thượng bất khả tỷ, thù thắng bất khả lượng của giáo pháp; thế vậy mà chư hiền lại quay lưng với đức Thế Tôn, bỏ qua đức Thế Tôn, nghĩ rằng phải hỏi tôi về ý nghĩa rộng rãi và thâm sâu của giáo pháp! Này chư hiền! Đức Thế Tôn biết những gì cần phải biết, thấy những gì cần phải thấy; ngài là bậc có con mắt sáng, là vị có trí và tuệ ở trên ba cõi; ngài chính là chánh pháp, chính là đại phạm thiên tối tôn, là vị thuyết giả, diễn giả chơn chánh và duy nhất ở thế giới loài người, là vị chỉ lối mục tiêu phạm hạnh và lộ trình giải thoát, là vị trao cho mọi hành giả giọt nước cam lồ bất tử; và đúng ngài vị pháp chủ, chính thị ngài là Như Lai Thế Tôn! Vậy thì chư hiền phải tùy nghi, tùy thời để thưa hỏi đức Thế Tôn về ý nghĩa này. Những gì đức Thế Tôn giải thích

cho chư hiền, chư hiền hãy như vậy mà thọ trì, phụng hành với sự tin tưởng tuyệt đối. Sau ba lần từ chối, thoái thác, nhưng thấy chư vị tỳ-khưu có vẻ cầu khẩn nhất mực thành tâm nên tôn giả Mahā Kaccāyana đành phải trả lời: - Thôi được rồi, này chư hiền! Hãy khéo hướng tâm, hãy khéo lắng tâm, ta sẽ giảng nói đây! Khi mắt thấy một sắc pháp, một đối tượng thì cái thấy biết của con mắt ấy phát sanh, được gọi là nhãn thức. Sự gặp gỡ của căn, trần, thức ấy là xúc. Theo lý tùy thuộc phát sanh thì do duyên xúc liền có cảm thọ, có cảm thọ thì có tưởng, có tưởng thời có suy tầm, có suy tầm thì có hý luận. Do hý luận ấy làm nhân nên những vọng tưởng, ám ảnh, chi phối một người, không chỉ ở hiện tại mà cả quá khứ lẫn vị lai. Chỉ mới con mắt nhận thức sắc pháp thôi mà nó đã tương duyên phát sanh như vậy đó. Này chư hiền! Tai nghe tiếng, mũi ngửi hương, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm, ý biết pháp chúng đều diễn tiến, phát sanh tương tự như mắt vậy. Nghĩa là sự duyên khởi ấy đi từ xúc, thọ, tưởng, suy tầm, hý luận, vọng tưởng chi phối ta trong ba thời khi sáu căn, sáu trần và sắc thức xúc đối, gặp gỡ nhau. Này chư hiền! Vậy muốn chấm dứt hý luận, vọng tưởng, có nghĩa là chấm dứt tham tùy miên, sân tùy miên, kiến tùy miên, nghi tùy miên, mạn tùy miên, hữu tham tùy miên, vô minh tùy miên; cũng có nghĩa là mọi kiến chấp, nghi ngờ, ngã mạn, ái hữu, vô minh, chấp trượng, chấp kiếm, đấu tranh, luận tranh, kháng tranh, vọng ngữ, ly gián ngữ... thì chỉ có một cách duy nhất là chấm dứt sự tồn tục, tương tục, sự diễn tiến của mắt, sắc, nhãn thức, xúc, thọ, tưởng, suy tầm, hý luận, vọng tưởng cả hiện tại, quá khứ và vị lai. Đấy là sanh đã tận, phạm hạnh đã thành, này chư vị! Sự giải thích có vẻ rất tường minh của tôn giả Mahā Kaccāyana cũng có một số vị tỳ-khưu hiểu, có một số vị vẫn

Minh Đức Triều Tâm Ảnh 41

chưa hiểu nên họ lại đi gặp đức Đạo Sư, kể lại toàn bộ nội dung rồi xin sự chỉ giáo của ngài. Đức Phật nói: - Này chư vị! Tỳ-khưu Mahā Kaccāyana là bậc hiền trí, là bậc lợi tuệ, là bậc đại tuệ. Nếu chư vị hỏi Như Lai ý nghĩa rộng rãi của thời pháp, nếu Như Lai có trả lời thì Như Lai cũng trả lời y như vậy, không hơn, không kém! Vậy cứ như vậy mà thọ trì, phụng hành! Tôn giả Ānanda đứng hầu một bên, ngài nắm vững thời pháp, thông tỏ thời pháp, hoan hỷ với thời pháp nên nói lên sự thấy biết của mình: - Hay lắm! Do không có quan điểm, không có chủ trương nên đức Đạo Sư đã không tranh luận với thế gian để đưa đến hý luận, vọng tưởng, khẩu tranh, luận tranh, kháng tranh, đối tranh, binh khí miệng lưỡi, binh khí đao trượng! Bạch đức Thế Tôn, đệ tử đã thấy biết sự duyên khởi ấy. Do mắt thấy sắc như thực, tai nghe âm thanh như thực... nên xúc, thọ, tưởng, ý chí, nhận thức đều như thực... thì toàn bộ tham, sân, kiến, nghi, mạn, hữu ái, phi hữu ái, vô minh ba thời thảy đều tận diệt. Nói như tôn giả Mahā Kaccāyana, đấy là sanh đã tận, phạm hạnh đã thành - có phải vậy không, bạch đức Tôn Sư! Đức Phật gật đầu: - Khá lắm! Này Ānanda! Tôn giả Ānanda hăng say nói tiếp: - Như một người quá mệt mỏi, quá suy kiệt vì bị đói lả nhiều ngày; may mắn thay y tìm được một chiếc bánh tẩm mật. Cứ mỗi miếng vị ấy nếm là vị ấy được thưởng thức cái ngọt thù thắng của mật, từ ngoài vào trong, y như nhau, thuần nhất như nhau. Cũng vậy, bạch đức Thế Tôn! Một vị tỳ-khưu có trí, có tuệ, hướng tâm chơn chánh, suy tư chơn chánh những phần, những đoạn của thời pháp, nắm bắt được ý nghĩa của thời pháp, thưởng thức vị ngọt thù thắng của

42 Một Cuộc Đời Một Vầng Nhật Nguyệt

pháp, từ ngoài vào trong, từ cạn vào sâu cũng như nhất, cũng thuần nhất y như bánh mật kia vậy. - Đúng vậy! Này Ānanda! Thế thì ở đây, ông và một số chư vị trưởng lão hãy tuyên thuyết, giảng nói bài pháp này đến cho tăng ni trong kinh thành Kapilavatthu và nhiều nơi khác nữa để mọi người thấy rõ như thực rằng: Như Lai không tranh luận với thế gian và đệ tử của Như Lai cũng y như thế! - Chúng đệ tử sẽ làm như vậy. Nhưng bài kinh này được gọi tên là gì, bạch đức Đạo Sư? - Ừ! Cứ gọi là kinh “bánh mật”!(1) Cả hội chúng, ai cũng mỉm cười, ai cũng hoan hỷ; vì dù ít, dù nhiều, ai cũng nếm được vị ngọt của chiếc bánh mật hôm ấy.

(1) Kinh Mật hoàn (Madhupindika sutta) kinh số 18 - Majjhima Nikāya.

Minh Đức Triều Tâm Ảnh 43

Giảng Sọ Rāhula

Đức Phật nấn ná ở Kapilavatthu do có nhiều duyên sự phải giải quyết, nên hết mùa xuân mới cùng đại chúng trở về Kỳ Viên trong tiết trời đã bắt đầu nắng nóng. Tránh con đường xa lộ thương mãi, đức Phật và đại chúng đi theo những lối mòn trong các thôn làng, các sườn đồi và sơn lộ có nhiều cây xanh bóng mát. Trên lộ trình này, đức Phật và đại chúng có nhiều chỗ phải dừng chân để nghỉ ngơi hoặc tá túc qua đêm. Và vào những lúc như vậy, thỉnh thoảng đức Phật cảm hứng thốt lên một vài câu nói nào đó nhưng không giải thích làm cho đại chúng rất thú vị, mà đồng thời cũng phải mệt

mề đăm chiêu suy nghĩ. Ví như có lần, đức Phật nói: - Chà! “Nhờ vô thường” nên lá vàng lá lại xanh; “nhờ vô thường” nên hoa tàn rồi hoa lại nở. “Nhờ vô thường” nên hết tiết đông lạnh giá lại sang tiết Xuân ấm áp, dễ chịu... Đức Phật bỏ lửng câu nói rồi bước đi. Chư tỳ-khưu phàm tăng ở phía sau không ngớt bàn tán với nhau: - Này, sao trước đây, đức Đạo Sư và chư vị trưởng lão thuyết giảng: Vô thường là khổ?

- Ai mà biết! - Cái định luật nó vậy! - Thì... thì lá vàng, lá xanh nó đâu có tri giác mà than khổ?! Rồi họ lại tranh luận với nhau nhưng mà không đi đến đâu cả. Lần khác, đức Phật lại nói trống không: - Chà! Cái dòng suối này “chẳng có tác ý, chẳng có tư tác” gì mà nó chảy róc rách, róc rách nghe rất vui tai; nó lại còn biết lách bên này, len bên kia qua mấy kẽ đá, qua mấy mô đất... dường như có “thức tánh” đấy nhỉ? Khi đức Phật đi xa rồi, một số vị tỳ-khưu còn ngồi lại bên suối, suy ngẫm câu nói vừa rồi của đức Phật. Chịu. Họ không giải thích được. Hôm nọ, dừng chân nơi một khu rừng im mát, thiên hô vạn hát là chim, là tiếng chim... như là một khúc hòa tấu du dương tuyệt vời của bà mẹ thiên nhiên... Đức Phật lắng nghe một hồi rồi nói: - Chà! Con chim này “tư tác” hót kiểu này, con chim kia “tư tác” hót kiểu kia. Trăm ngàn cách. Trăm ngàn loại. Nhưng không biết chúng có tranh âm, tranh giọng với nhau chăng? Tự nhiên như thế chăng? Hòa hợp như thế chăng? Thường thì sau câu nói của đức Phật, các bậc thánh lậu tận mỉm cười còn chư phàm tăng thì nhăn mày. Có một số vị vây quanh tôn giả Moggallāna hoặc Ānanda để mong nghe vài lời kiến giải thông tuệ; nhưng các ngài thường nói: - Chỉ có đức Đạo Sư mới biết rõ lúc nào là đúng thời, đúng duyên nhất để lý giải những điều ấy. Một số vị lại đến vây quanh tỳ-khưu Rāhula, vì họ “nghe nói” con trai của đức Phật đã thành tựu cứu cánh phạm hạnh để mong một sự chỉ giáo. Tôn giả Moggallāna hướng tâm một lát là đã biết sự thật: “Tỳ-khưu Rāhula „thọ hành‟ đã sắp mãn, đức Phật cốt Minh Đức Triều Tâm Ảnh 45

ý bộ hành về Kỳ Viên để Rāhula nhập diệt trước sự chứng kiến của đại chúng tăng ni cùng hai hàng cư sĩ áo trắng! Những câu nói cảm hứng của đức Phật, nhất là câu đầu tiên, chỉ có bậc thánh lậu tận mới giải thích được. Trong số chư vị phàm tăng ở đây có người khởi nghi tâm là Rāhula chưa đắc quả A-la-hán. Và đây là dịp đức Đạo Sư muốn tuyên dương trí tuệ như thực, vô lậu của Rāhula để phá nghi cho chư vị phàm tăng kia”. Khi thấy rõ, biết rõ sự thực như vậy nên tôn giả Moggallāna nói với Rāhula: - Hãy trả lời cho họ nghe đi, Rāhula! Chính đức Tôn Sư muốn để giành vinh hạnh ấy cho ông đấy! Được sự chuẩn nhận, chấp thuận của vị thầy A-xà-lê khả kính của mình, tỳ-khưu Rāhula mới dám trả lời. Và đoạn đối thoại giữa họ như sau. Tỳ-khưu Rāhula nói: - Về câu nói cảm hứng thứ nhất của đức Đạo Sư về lá xanh, lá vàng, hoa tàn, hoa nở... là ngài muốn nói đến cái lý vô thường tự nhiên của trời đất. Nhờ có lý vô thường tự nhiên ấy mà vũ trụ này có thành, có trụ, có hoại, có không; và nhờ có hoại, có không nên mới có thành có trụ! Vậy, nếu không có định luật vô thường tự nhiên này thì một hạt bụi cũng không có mặt, cũng không được thiết lập; và ngọn Sineru hùng vĩ kia cũng không cơ sở để tồn tại! Cho nên, sự vô thường ấy, sự chuyển đổi, thay đổi, dịch hóa ấy nó làm nên vạn hữu, tạo tác nên vạn hữu, chứ không đưa đến dukkha (khổ)(1) , thưa chư tôn

giả!

(1) Ở đây cần ghi chú thêm một lượt nữa. Dukkha thường được dịch là khổ, thường không nói hết nội dung ngữ nghĩa của nó. Có thể tóm tắt trong ba nghĩa chính: Một, tấm thân vật lý thường bị đau nhức, bệnh tật, già lão, tử vong... nên gọi là dukkha. Hai, sự biến đổi, thay đổi của các trạng thái tâm lý như buồn vui, thương ghét, nóng giận, khổ lạc...chi phối chúng ta nên đưa đến

46 Một Cuộc Đời Một Vầng Nhật Nguyệt

- Thế sao đức Thế Tôn giảng về tam pháp ấn vô thường, vô ngã, dukkha (khổ) là định luật của tất thảy pháp? - Đúng vậy! Nhưng chư tôn giả phải để ý là có hai cái saṅkhāra, hai cái "hành" hai cái "hữu vi", hai cái tạo tác khác nhau. Cái saṅkhāra, cái "hành" cái "hữu vi", cái tạo tác của thiên nhiên trời đất là cái tất yếu, cái không thay đổi được; nhờ nó mới có thế gian, thế giới, tinh hà, nhật nguyệt, núi sông, vạn hữu! Cái vô thường, vô ngã ấy không đưa đến dukkha (khổ) thưa chư tôn giả! Chính cái lăng xăng tạo tác, cái saṅkhāra, cái hành, cái hữu vi của tâm niệm, của các trạng thái tâm lý, cụ thể là của thương ghét, buồn vui, tham muốn, giận dữ, đố kỵ, tị hiềm... hằng chục cái thay đổi, chuyển dịch vô thường ở trong tâm niệm mới đưa đến dukkha (khổ) này! Hãy hiện quán, hãy minh sát cái saṇkhāra, tức là của hành trong sắc, thọ, tưởng, hành, thức là chư tôn giả sẽ thấy biết như thực như vậy! Tỳ-khưu Rāhula giảng thế xong, không biết bao nhiêu là lời xít xoa bàn tán, khen ngợi, tán dương: - Chà! Một vị thốt lên - thật là tuyệt vời! - Cảm ơn "trưởng lão"! - Thật không có gì rõ ràng như thế nữa! - Minh nhiên! Như thị! - Chỉ có bậc thánh lậu tận mới tường minh được như thế! Rồi họ hỏi tiếp qua câu hỏi thứ hai: - Thế còn cái dòng suối? - Không tư tác, nó róc rách...? - Không tác ý nó len lỏi...? - Dường như nó có thức tánh? Tỳ-khưu Rāhula mỉm cười:

dukkha. Ba, sự bất toại nguyện, bất như ý, rỗng không, bất toàn của thế gian pháp nên gọi là dukkha.

Minh Đức Triều Tâm Ảnh 47

- Xem nào, này chư tôn giả! Đất có chỗ cao, chỗ thấp; nước ở chỗ cao chảy xuống chỗ thấp là cái tự nhiên. Khi chảy xuống, tuôn xuống, do nó va đập vào đá nên có tiếng róc rách, đấy là cái tự nhiên. Cái dòng đang chảy bị một mô đất, một rễ cây, một lèn đá chặn ngang thì nó phải tìm cách len lỏi sang lối khác, đó là cái tự nhiên. Chẳng có tác ý, tư tác, thức tánh gì ở đó cả. Không những là những hiện tượng ấy, mà cho chí chuyện dịch hóa mưa nắng, ngày đêm, nóng lạnh, chuyển đổi bốn mùa; rồi ảnh hưởng của mặt trời, mặt trăng, tinh tú đến sông biển, ao hồ, muôn sinh, thảo mộc... đều bị chi phối bởi những định luật tự nhiên của trời đất cả thảy. Những định luật ấy không có dukkha; chỉ có định luật nhân quả nghiệp báo mới đưa đến dukkha, thưa chư tôn giả! Giáo pháp của đức Tôn Sư xây dựng, kiến lập ở chính chỗ này, ngay tại chỗ này: Thấy rõ dukkha và chấm dứt dukkha ấy! Chư vị tỳ-khưu xung quanh có vị bủn rủn, bàng hoàng; có vị bần thần suy nghĩ; có vị hỷ lạc phát sanh do thấy được giáo pháp bất tử. - Vô cùng tri ân "trưởng lão". - Chúng tôi đã được vén mở con mắt pháp rồi đó! Im lặng một lát, tỳ-khưu Rāhula nói tiếp: - Còn tiếng chim các loại, các giống, thân hình, màu

sắc, giọng hót khác nhau là do nghiệp khác nhau. Nếu trăm ngàn thảo mộc khác nhau từ cây, đến lá, từ hoa đến trái là do hạt giống khác nhau thì tiếng chim có sự khác nhau là do nghiệp khác nhau. - Vậy tiếng chim có tư tác không? - Có đấy, nhưng tư tác rất nhỏ nhiệm, đôi khi chỉ ở một vài giống chim có thức tánh cao; còn đa phần là do bản năng chi phối, và bản năng chính là quả dị thục do nghiệp tạo từ trước.

48 Một Cuộc Đời Một Vầng Nhật Nguyệt

- Có loài chim cu ghét nhau tiếng gáy nên chúng thường tìm cách đấu nhau, hót tranh tiếng nhau để tranh giành lãnh thổ, làm oai cô mái! - Có như vậy đấy! - Không chỉ làm oai với cô mái mà còn gọi bạn, báo động nguy hiểm, báo động an toàn, báo động có thức ăn... thì sao? - Có thể do tư tác hiện tiền mà cũng có thể do bản năng! Thất khó biết địch xác điều ấy, khi mình không phải là chim! Và nhất là mình không phải là đức Chánh Đẳng Giác. Mọi người cười vui, hoan hỷ. Có vị cắc cớ hỏi: - Những cái thấy biết vừa rồi của “trưởng lão” do đâu mà có, trong lúc trưởng lão tuổi còn thanh niên, thọ đại giới vừa được một năm? Tỳ-khưu Rāhula mỉm cười: - Thưa, một phần do học hỏi, một phần do chiêm nghiệm, một phần dường như có sẵn từ quá khứ, như tự dưng mà biết thế thôi! Moi người dường như ai cũng thỏa mãn, hoan hỷ toát ra ngoài mặt. Tôn giả Moggallāna bước lại, tán thán: - Đức Thế Tôn đi đã xa rồi! Nếu không ngài cũng phải khen ngợi, tán dương những kiến giải thông tuệ và uyên bác của “giảng sư” Rāhula! Tỳ-khưu Rāhula cúi đầu: - Đệ tử không dám! Chư phàm tăng hôm ấy họ mới thật sự tâm phục, khẩu phục, kính trọng, tôn trọng Rāhula.

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.